TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2023/DS-PT
Ngày: 28 - 4 – 2023
V/v tranh chấp thừa kế tài sản quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLPT-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc: "Tranh chấp thừa kế tài sản quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 282/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 57, Nguyễn Trung T, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2022, có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1949 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960 (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 (vắng mặt).

6. Bà Đặng Thị H sinh năm 1971 (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1949 (vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1992 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

9. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp 3, xã Phong Thạnh T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

10. Anh Đặng Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt).

11. Ông Trần Văn V, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị M: Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân Điền B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1961 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Điền A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Trần Văn N; Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị D (là nguyên đơn) và ông Nguyễn Thành S (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử, vụ án được tóm tắt như sau:

Hai cụ Nguyễn Văn T (chết 2018) và Nguyễn Thị Dỏi (chết 2016), hai người có tất cả 08 người con gồm Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Lanh. Hai cụ chết để lại phần đất có tổng diện tích 27.780m^2 tại ấp H, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong đó đất vườn diện tích 4.880m^2, đất ở diện tích 500m^2, còn lại đất trồng lúa diện tích 22.400m^2. Hai cụ đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số: A 312343 ngày 05/9/1990. Năm 1997, cụ Nguyễn Văn T đã phân chia đất cho 03 người con gồm ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D, mỗi người 03 công (tầm lớn) đất ruộng, bà Nguyễn Thị X 01 công (tầm lớn) đất ruộng, phần đất còn lại do ông Nguyễn Thành S quản lý. Các phần đất sử dụng ổn định, có bờ ranh riêng, không tranh chấp, nhưng chưa được tách thửa vẫn nằm trong quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Văn T đứng tên. Năm 1999,

cụ Nguyễn Văn T chuyển nhượng 02 công (tầm lớn) đất ruộng cho ông Trần Văn N với giá 10 chỉ vàng 24k. Năm 2000 ông Nguyễn Thành S chuộc lại 02 công đất chuyển nhượng của ông Trần Văn N. Trong đó, ông Nguyễn Thành S xuất ra 05 chỉ vàng và cụ Nguyễn Văn T đưa cho ông Nguyễn Thành S 05 chỉ vàng để chuộc 02 công đất. Ngày 08/4/2013, Cụ Nguyễn Văn T lập di chúc phân chia đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D, mỗi người 03 công (tầm lớn) đất ruộng, bà Nguyễn Thị X 01 công (tầm lớn) đất ruộng, còn lại ông Nguyễn Thành S hưởng hết. Ngày 12/6/2014, Cụ Nguyễn Văn T lập di chúc để thay thế cho di chúc trước đó và theo đó phần đất được phân chia cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D, mỗi người 03 công (tầm lớn) đất ruộng, bà Nguyễn Thị X 01 công (tầm lớn) đất ruộng, ông Nguyễn Thành S được hưởng hết 9,5 công đất ruộng, 500m^2 đất ở và 4.880m^2 đất vườn. Năm 2015, cụ Nguyễn Văn T tự nguyện cho ông Nguyễn Thành S một phần đất vườn ngang 10m, dài 40m, diện tích 400m^2 bao trùm căn nhà hiện nay ông Nguyễn Thành S đang ở. Cũng trong năm 2015, sau khi về sống với bà Nguyễn Thị D, cụ Nguyễn Văn T có khởi kiện ông Nguyễn Thành S đòi lại phần đất vườn 4.880m^2 và đất vuông 5.200m^2. Nhưng phần đất 5.200m^2 mà cụ Nguyễn Văn T kiện đòi không được Tòa án *(cấp sơ thẩm, phúc thẩm)* chấp nhận và bản án có hiệu lực pháp luật. Đến ngày 16/9/2017, cụ Nguyễn Văn T làm di chúc mới hủy bỏ di chúc ngày 12/6/2014, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H. Tại di chúc này cụ Nguyễn Văn T chia cho ông Nguyễn Văn D 03 công (tầm lớn) đất ruộng, ông Nguyễn Thành S 07 công (tầm lớn) đất ruộng, bà Nguyễn Thị X 01 công (tầm lớn) đất ruộng, bà Nguyễn Thị D hưởng hết phần còn lại khoảng 8,5 công đất ruộng, 500m^2 đất ở và 4.880m^2 đất vườn *(còn 01 công đất ruộng, cụ Nguyễn Văn T đã đổi bù cho ông Nguyễn Văn M).* Việc phân chia đất giữa các đồng thừa kế xảy ra tranh chấp và bà Nguyễn Thị D đã khởi kiện.

Theo bà Nguyễn Thị D, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ngày 16/9/2017. Di sản thừa kế yêu cầu chia gồm: Phần đất vườn 4.480m^2 *(đã trừ 400m^2 cụ Nguyễn Văn T cho ông Nguyễn Thành S),* 450m^2 đất ở *(đã trừ 50m^2 cho ông Nguyễn Thành S)* và phần đất vuông là 22.400m^2. Việc ông Nguyễn Thành S vay tiền của ông Đặng Văn C và ông Trần Văn V thì ông Nguyễn Thành S tự hoàn trả; phần đất vườn, đất ở mà bà được chia thì bà đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Thành S công sức cải tạo, cây trái, cống vuông bằng số tiền 8.000.000 đồng. Các yêu cầu phản tố còn lại của ông Nguyễn Thành S thì bà không đồng ý.

Còn ông Nguyễn Thành S thì cho rằng: Vào năm 1997, cụ Nguyễn Văn T đã phân chia đất cho các con và các phần đất được sử dụng ổn định, có bờ ranh riêng, không tranh chấp. Ngoài phần đất vườn, đất ở thì cụ Nguyễn Văn T còn lại 02 công *(tầm lớn)* đất ruộng và phần đất ruộng này cụ Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông Trần Văn N vào năm 1999 với giá 10 chỉ vàng 24k, đến năm 2000 ông đã chuộc lại 02 công này nên ông yêu cầu công nhận phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông còn nếu chia thừa kế phần đất này thì ông yêu cầu được hoàn trả lại cho ông giá trị đất theo giá thị trường. Ngoài ra, trong diện tích đất tranh chấp thừa kế thì có phần đất vuông 5.200m^2 do ông quản lý, canh tác trong thời gian chung sống với cụ Nguyễn Văn T và phần đất này Tòa án đã không chấp nhận buộc ông trả đất cho cụ Nguyễn Văn T do diện tích đất này thuộc tờ bản đồ

số 03, thửa 71, 73 do ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng nên ông không đồng ý chia thừa kế phần đất này mà yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng. Ngoài ra, năm 2006 ông vay của ông Trần Văn V số tiền 50.000.000 đồng và năm 2007 vay của ông Đặng Văn C 100.000.000 đồng để trị bệnh cho cụ Nguyễn Văn T, nên ông yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải chịu ½ số nợ. Ông chỉ chấp nhận chia thừa kế phần di sản còn lại là đất vườn 4.480m^2 *(đã trừ 400m^2 cụ Nguyễn Văn T cho)*, 500m^2 đất ở; phần đất vuông còn lại diện tích 11.715,5m^2 *(đã trừ phần đất ông Nguyễn Thành S quản lý 5.200m^2, phần đất ông Nguyễn Văn D được chia 3.639,6m^2, đất của bà Nguyễn Thị D 3.597,8m^2, đất của bà Nguyễn Thị X 753,6m^2)* theo Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong.

Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Lanh thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc chia thừa kế theo di chúc do cụ Nguyễn Văn T xác lập ngày 16/9/2017. Cụ thể, ông Nguyễn Văn D yêu cầu chia 03 công (tầm lớn) đất ruộng, bà Nguyễn Thị X 01 công (tầm lớn) đất ruộng và yêu cầu được nhận đất theo Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong. Riêng ông Nguyễn Văn M thì thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị D nhưng ông không có yêu cầu gì.

Anh Đặng Văn C và ông Trần Văn V thì xác định là có cho ông Nguyễn Thành S vay tiền đúng như ông Nguyễn Thành S đã khai nhưng không có yêu cầu giải quyết mà để tự thỏa thuận với ông Nguyễn Thành S.

Ông Nguyễn Văn M xác định là vào ngày 27/9/2000, ông có hoán đổi phần đất nông nghiệp với cụ Nguyễn Văn T. Theo đó, ông giao cho cụ Nguyễn Văn T 07 công (tầm lớn), ngược lại cụ Nguyễn Văn T giao cho ông 08 công giáp ranh hậu đất để thuận tiện lấy nước làm vuông. Hiện nay phần đất giao cho cụ Nguyễn Văn T 07 công nằm thửa số 01 diện tích 16.915,5m^2 theo trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 của Công ty đo đạc Dâng Phong) do ông Nguyễn Thành S đang quản lý sử dụng nhưng hiện tại không xác định được vị trí đất hoán đổi trước đây. Đối với tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị D với ông Nguyễn Thành S là không có liên quan, không tranh chấp đến ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29,30/9/2022, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành S có thỏa thuận với nhau, bà Nguyễn Thị D bồi hoàn giá trị sử dụng cống vuông cho ông Nguyễn Thành S bằng 5.000.000 đồng. Còn tiền công sức cải tạo, cây trồng trên đất ông Nguyễn Thành S không yêu cầu. Đối với phần đất vườn, đất ở thì bà Nguyễn Thị D đồng ý giao cho ông Nguyễn Thành S phần đất phần đất trồng cây lâu năm là 400m^2 và 50m^2 đất ở nông thôn có vị trí N2-N3-N4-N5 kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 15/9/2022 của Trung tâm kỹ thuật-Quan trắc-Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, việc thỏa thuận giao đất này được các đồng thừa kế thống nhất. Việc ông Nguyễn Thành S vay tiền của ông Đặng Văn C, Trần Văn V thì ông Nguyễn Thành S không yêu cầu giải quyết. Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Lanh, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn M rút lại yêu cầu chia thừa kế. Riêng ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị X cũng rút lại yêu cầu chia thừa kế nhưng cho rằng nếu được chia thừa kế thì sẽ nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 282/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc chia thừa kế theo di chúc đối với Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T để lại là quyền sử dụng 500m^2 đất ở; 4.880m^2 đất lập vườn; 24.212,9m^2 đất nông nghiệp, thửa số 47 và 69 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chia di sản thừa kế cho 04 kỷ phần gồm:

- Chia cho ông Nguyễn Văn D phần đất nông nghiệp diện tích 3.888m^2. Ông Danh được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 3.639,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (được giới hạn theo Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong có vị trí M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22, M23).

- Chia cho bà Nguyễn Thị X phần đất nông nghiệp diện tích 1.296m^2. Bà Xương tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 753,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (được giới hạn theo Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong có vị trí M7, M8, M9, M15).

- Chia cho bà Nguyễn Thị D phần đất nông nghiệp diện tích 8.500m^2 và 4.480m^2 đất vườn (trừ diện tích 450m^2 vị trí N2, N3, N4, N5 kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 15/9/2022) và 450m^2 đất ở. Bà Dự được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 3.579,8m^2 tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (được giới hạn theo Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong có vị trí M3, M4, M5, M6, M19, M18, M17, M16).

- Chia cho ông Nguyễn Thành S phần đất nông nghiệp còn lại diện tích 6.022,5m^2. Giao cho ông S được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất nông nghiệp diện tích 5.693m^2 là kỷ phần của ông D, bà X, bà D được chia và phần đất nông nghiệp diện tích 5.200m^2 mà bà D yêu cầu chia không được chấp nhận, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (được giới hạn theo Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong có vị trí M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D giao cho ông Nguyễn Thành S phần đất diện tích 450m^2, trong đó đất vườn 400m^2 và đất ở 50m^2 tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 15/9/2022 của Trung tâm kỹ thuật-Công nghệ-Quan trắc tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau có vị trí N2, N3, N4, N5).

2. Buộc ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị D 4.480m^2 đất vườn (trừ diện tích 450m^2 bà Dự đã giao cho ông Sương) tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 15/9/2022 của Trung tâm kỹ thuật-Công nghệ-Quan trắc tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau có vị trí M1, M2, M3, M4, M7, trừ vị trí N2, N3, N4, N5).

3. Buộc ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền 9.116.000 đồng (Chín triệu một trăm mười sáu nghìn đồng). Buộc ông

Nguyễn Thành S có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị X 19.906.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm lẽ sáu nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 179.911.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười một nghìn đồng).

4. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị D với ông Nguyễn Thành S, buộc bà D phải bồi hoàn giá trị cống xổ vuông cho ông S với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

5. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu chia thừa kế 400m^2 đất vườn và yêu cầu chia thừa kế đối với di sản thừa kế của bà D.

6. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất do cụ T và cụ D để lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2022, ông Nguyễn Thành S kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thành S xác định việc cấp sơ thẩm phân chia đất theo di chúc có cả 01 công đất do ông chuộc lại là ông không đồng ý; không chấp nhận số tiền ông đã vay để trị bệnh cho cụ Nguyễn Văn T là ông không chấp nhận.

Ngày 20/10/2022, bà Nguyễn Thị D kháng cáo (kháng cáo quá hạn) yêu cầu sửa án sơ thẩm do án sơ thẩm công nhận phần đất 5.200m^2 theo bản án phúc thẩm số 209/2016/DS-PT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thành S là bà không đồng ý, bà không chấp nhận giá trị của phần đất ở 500m^2 theo giá thẩm định và việc đính chính bản án chỉ buộc ông Nguyễn Thành S bồi thường số tiền 179.911.000 đồng là bà không đồng ý vì trước đó đã buộc ông Nguyễn Thành S bồi thường cho bà số tiền 527.142.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, do khi cụ Nguyễn Văn T xác lập di chúc thì phần di sản có ½ tài sản thuộc tài sản chung của cụ Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị D nên cụ Nguyễn Văn T không có quyền định đoạt phần tài sản của cụ Nguyễn Thị D; khi phân chia thừa kế chia cả diện tích đất do ông Nguyễn Thành S chuộc lại là không đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông Nguyễn Thành S; diện tích đất trên thực địa không đủ diện tích theo di chúc để phân chia. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 282/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành S thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ; bà Nguyễn Thị D kháng cáo quá thời hạn hạn luật định nhưng được chấp nhận cho việc kháng cáo quá hạn, nên kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành S tranh chấp với nhau về việc phân chia tài sản theo di chúc do cụ Nguyễn Văn T chết để lại, nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật về tranh chấp thừa kế tài sản và áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 về Thừa kế để giải quyết là có căn cứ.

[3] Xét về thời hiệu thừa kế, thời điểm mở thừa kế và Người thừa kế cho thấy: Cụ Nguyễn Văn T chết 2018 và Nguyễn Thị D chết 2016 nên thời hiệu thừa kế vẫn còn theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự, thời điểm mở thừa kế được xác định ngay sau khi cụ Nguyễn Văn T chết và những người được quyền thừa kế là những người con của hai cụ Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị D và thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bao gồm Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị L. Do cụ Nguyễn Văn T chết có để lại di chúc để phân chia tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định giải quyết tranh chấp thừa kế theo di chúc là có căn cứ. Những người được hưởng tài sản theo di chúc gồm có Nguyễn Văn D; Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D và Nguyễn Thành S. Những người thừa kế còn lại không được hưởng tài sản theo di chúc.

[4] Xét tính hợp pháp của di chúc: Ngày 08/4/2013, cụ Nguyễn Văn T đã lập di chúc để phân chia tài sản cho Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị X và Nguyễn Thành S. Đến ngày 12/6/2014, cụ Nguyễn Văn T đã lập di chúc khác để thay thế cho di chúc trước. Nhưng đến ngày 16/9/2017, cụ Nguyễn Văn T lập di chúc mới hủy bỏ di chúc ngày 12/6/2014, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H. Khi cụ Nguyễn Văn T xác lập di chúc thì cụ Nguyễn Thị D đã chết, phần tài sản chung do cụ Nguyễn Văn T quản lý và định đoạt; việc cụ Nguyễn Văn T lập di chúc phân chia toàn bộ tài sản đều được tất cả các người con trong gia đình (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất) đều thống nhất, không ai phản đối. Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn T đều xác định là Di chúc do cụ Nguyễn Văn T xác lập ngày 16/9/2017 là hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tính hợp pháp đối với "Di chúc của cụ Nguyễn Văn T lập ngày 16/9/2017" là có căn cứ theo quy định tại Điều 630 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét về di sản: Phần tài sản được xác định là di sản do cụ Nguyễn Văn T chết để lại gồm có: Phần đất có tổng diện tích 27.780m^2 tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số: A 312343 ngày 05/9/1990 do cụ Nguyễn Văn T đứng tên. Trong phần đất trên thì phần đất vườn có diện tích 4.880m^2, đất ở diện tích 500m^2, còn lại đất trồng lúa diện tích 22.400m^2. Kết quả đo đạc thực tế, phần đất vườn, đất ở có tổng diện tích là 4.897,9m^2, đất nuôi trồng thủy sản (đất trồng lúa) có tổng diện tích là 24.906,5m^2. Theo kết quả thẩm định giá của Công ty thẩm định giá NOVA ngày 09/10/2019 thì giá trị đất nuôi trồng thủy sản (đất trồng lúa) là 36.700 đồng/m^2, đất vườn là

46.700 đồng/m^2 và đất ở là 306.700 đồng/m^2, giá trị nhà và công trình phụ kèm theo là 44.143.464 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì các đương sự đều thống nhất sử dụng kết quả thẩm định giá của Công ty thẩm định giá NOVA để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[5.1] Theo nội dung di chúc thì tài sản được phân chia cụ thể là: Chia cho ông Nguyễn Văn D 03 công (tầm lớn) đất ruộng, ông Nguyễn Thành S 07 công (tầm lớn) đất ruộng, bà Nguyễn Thị X 01 công (tầm lớn) đất ruộng, bà Nguyễn Thị D hưởng hết phần còn lại khoảng 8,5 công đất ruộng, 500m^2 đất ở và 4.880m^2 đất vườn *(còn 01 công đất ruộng, cụ Nguyễn Văn T đã đổi bù cho ông Nguyễn Văn M).*

[5.2] Đối với phần đất vườn, đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 5.380m^2 (500m^2 đất ở và 4.880m^2 đất vườn) nhưng theo đo đạc thực tế thì tổng diện tích đất vườn, đất ở là 4.897,9m^2. Đối với phần đất này những người thừa kế đều thừa nhận là vào năm 2015, cụ Nguyễn Văn T đã cho ông Nguyễn Thành S phần đất vườn có diện tích 400m^2 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29,30/9/2022, bà Nguyễn Thị D đồng ý giao cho ông Nguyễn Thành S phần đất vườn là 400m^2 và giao thêm cho ông Nguyễn Thành S 50m^2 đất ở có vị trí N2-N3-N4-N5 theo Trích đo hiện trạng ngày 15/9/2022 của Trung tâm kỹ thuật-Quan trắc-Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, việc thỏa thuận giao đất này được các đồng thừa kế thống nhất. Do vậy, phần đất vườn, đất ở 450m^2 được cấp sơ thẩm giao cho ông Nguyễn Thành S quản lý, sử dụng và không đưa vào khối di sản để phân chia, chỉ phân chia theo di chúc cho bà Nguyễn Thị D phần còn lại là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không căn cứ vào diện tích đo đạc thực tế để phân chia mà căn cứ vào diện tích ghi nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chia cho bà Nguyễn Thị D 4.480m^2 đất vườn và 450m^2 đất ở là không phù hợp với diện tích trên thực địa, nên cần thiết điều chỉnh lại diện tích đất được chia cho bà Nguyễn Thị D tổng diện tích đất vườn, đất ở là 4.447,9m^2, trong đó diện tích đất ở 450m^2 được giữ nguyên theo ghi nhận của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất vườn còn lại chia cho bà Nguyễn Thị D là 3.997,9m^2.

[5.3] Đối với đất nông nghiệp (trồng lúa) thì diện tích theo di chúc ghi nhận là 22.400m^2 và theo đo đạc thực tế phần đất này có tổng diện tích là 24.906,5m^2. Trên phần đất này ông Nguyễn Văn D quản lý 3.639,6m^2; bà Nguyễn Thị D quản lý 3.597,8m^2; bà Nguyễn Thị X quản lý 753,6m^2; ông Nguyễn Thành S quản lý phần còn lại.

Trong phần đất trên thì vào năm 2000 cụ Nguyễn Văn T có dùng 08 công (tầm lớn) để đổi lấy 07 công (tầm lớn) của ông Nguyễn Văn M, hiện tại không xác định được vị trí và diện tích cụ thể nhưng trong phần diện tích đo đạc trên có 5.200m^2 do ông Nguyễn Thành S quản lý, nằm trong quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M, chưa tách quyền sử dụng đất. Vào năm 2015 cụ Nguyễn Văn T kiện ông Nguyễn Thành S để đòi lại phần đất này, tại bản án sơ thẩm số: 57/2016/DS-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và bản án phúc thẩm số 209/2016/DS-PT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của cụ Nguyễn Văn T. Từ đó, cấp sơ

thẩm xác định di chúc không có hiệu lực đối với phần đất nông nghiệp có diện tích 5.200m^2 và không nhập vào khối di sản để phân chia là phù hợp.

Năm 1999, cụ Nguyễn Văn T chuyển nhượng 02 công (tầm lớn) đất ruộng cho ông Trần Văn N với giá 10 chỉ vàng 24k. Phần đất này được cấp sơ thẩm xác định vào năm 2000 ông Nguyễn Thành S chuộc lại 01 công đất bằng 05 chỉ vàng và 01 công đất còn lại do cụ Nguyễn Văn T bỏ ra 05 chỉ vàng để chuộc là có căn cứ và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận. Tuy chưa được tách thửa riêng, chưa được công nhận quyền sử dụng vì lý do phần đất này vẫn còn nằm trong quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn T, nhưng khi phân chia cần phải xem xét để phân chia nhiều hơn đối với diện tích 01 công đất này cho ông Nguyễn Thành S là phù hợp. Cấp sơ thẩm không xem xét đến quyền lợi của ông Nguyễn Thành S đối với diện tích 01 công đất mà ông Nguyễn Thành S chuộc lại từ ông Trần Văn N mà xem là di sản của cụ Nguyễn Văn T để phân chia theo di chúc là không bảo vệ được quyền lợi chính đáng cho ông Nguyễn Thành S.

Từ các cơ sở trên, có căn cứ để xác định phần di sản của cụ Nguyễn Văn T để lại đối với đất nông nghiệp để xem xét phân chia theo di chúc là 19.706,5m^2 bao gồm cả diện tích đất do ông Nguyễn Thành S chuộc lại là 1.296m^2. Phần diện tích đất nông nghiệp này không đảm bảo đủ về diện tích để phân chia theo di chúc ngày 16/9/2017 nên cần phải được xem xét diện tích đất để phân chia cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành S tương ứng với tỷ lệ được hưởng theo di chúc.

[6] Xét về quá trình phân chia, quản lý và sử dụng đất: Ngay từ năm 1997 cho đến ngày mà cụ Nguyễn Văn T xác lập các di chúc thì ông Nguyễn Văn D được chia 03 công đất (tầm lớn) tương đương 3.888m^2, ông Nguyễn Văn D đã quản lý sử dụng 3.639,6m^2, còn thiếu diện tích 248,4m^2; bà Nguyễn Thị X được chia 01 công đất (tầm lớn) tương đương 1.296m^2, bà Nguyễn Thị X đã quản lý sử dụng 753,6m^2, còn thiếu 542,4m^2. Cấp sơ thẩm phân chia đất cho Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị X diện tích đất theo di chúc, phần đất được chia cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X còn thiếu so với diện tích đất được phân chia là 790,8m^2, phần đất này do ông Nguyễn Thành S đang quản lý nên giao cho ông Nguyễn Thành S quản lý sử dụng, ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất bằng tiền đối với phần diện tích đất còn thiếu cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị X là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Giá trị phần đất 248,4m^2 mà ông Nguyễn Thành S hoàn lại cho ông Nguyễn Văn D bằng 9.116.280 đồng và giá trị phần đất 542,4m^2 mà ông Nguyễn Thành S hoàn lại cho bà Nguyễn Thị X bằng 19.906.080 đồng.

Phần đất còn lại được xem xét phân chia cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành S là 14.522,5m^2. Tuy nhiên, trong diện tích đất này có 1.296m^2 đất do ông Nguyễn Thành S chuộc lại từ ông Trần Văn N, nên được tiếp tục chia cho ông Nguyễn Thành S mà không chia cho bà Nguyễn Thị D là phù hợp. Phần đất còn lại được phân chia cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành S là 13.226,5m^2 và được cân đối phân chia theo tỷ lệ tương ứng với di chúc do cụ Nguyễn Văn T lập ngày 16/9/2017. Theo di chúc thì ông Nguyễn Thành S được chia 07 công và bà Nguyễn Thị D được chia khoảng 8,5 công. Từ diện tích đất

chia theo di chúc được tính tỷ lệ tương ứng với diện tích đất còn lại để phân chia là 13.226,5m^2 thì ông Nguyễn Thành S được hưởng phần diện tích đất tương đương 5.973,2m^2 cùng với diện tích đất 1.296m^2 mà ông Nguyễn Thành S chuộc lại, tổng diện tích đất mà ông Nguyễn Thành S được chia là 7.269,2m^2; bà Nguyễn Thị D được chia phần đất theo tỷ lệ tương ứng bằng 7.253,3m^2. Hiện tại, bà Nguyễn Thị D đang quản lý 3.597,8m^2 và được giữ y cho bà Nguyễn Thị D, phần còn thiếu 3.655,5m^2 đang do ông Nguyễn Thành S quản lý và được tiếp tục giao cho ông Nguyễn Thành S quản lý sử dụng, ông Nguyễn Thành S chịu trách nhiệm hoàn lại giá trị đất bằng tiền cho bà Nguyễn Thị D tương ứng bằng số tiền là 134.156.850 đồng. Do cấp sơ thẩm xác định diện tích đất để phân chia chưa phù hợp và nhầm lẫn trong việc xác định diện tích đất được tính bằng giá trị để buộc ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D nên cần thiết điều chỉnh lại cách phân chia và giá trị đất hoàn lại như đã nêu trên.

[7] Theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2016/DS-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và Bản án dân sự phúc thẩm số: 209/2016/DS-PT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã không chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Văn T về việc đòi lại phần diện tích đất 5.200m^2 do ông Nguyễn Thành S quản lý là do phần đất được cụ Nguyễn Văn T hoán đổi đất với ông Nguyễn Văn M nhưng diện tích đất hoán đổi chưa được Nhà nước công nhận để tách quyền sử dụng và phần đất đang do ông Nguyễn Văn M đứng tên. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thành S chỉ là người đang quản lý, sử dụng đất chứ không được công nhận quyền sử dụng đối với phần đất nêu trên. Do vậy, phần diện tích đất 5.200m^2 đã nêu được tiếp tục giao cho ông Nguyễn Thành S quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 616 của Bộ luật dân sự, khi các bên thực hiện xong việc tách chuyển quyền sử dụng đất và đủ điều kiện để xác định là di sản của cụ Nguyễn Văn T để lại thì ông Nguyễn Thành S và bà Nguyễn Thị D được quyền yêu cầu chia thừa kế theo quy định chung.

[8] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành S về việc sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ mà chấp nhận phần yêu cầu liên quan đến phần đất mà ông đã chuộc lại. Riêng đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị D về việc công nhận phần đất 5.200m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thành S là bà không đồng ý, yêu cầu này là có cơ sở và đã được xem xét như đã nêu trên. Đối với giá trị đất thì tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm các đương sự đã thống nhất với kết quả thẩm định giá, nên yêu cầu về giá mà bà Nguyễn Thị D đặt ra không được chấp nhận. Đối với việc đính chính bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, do nhầm lẫn trong việc xác định giá trị đất mà ông Nguyễn Thành S hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D 527.142.000 đồng là bao gồm cả giá trị phần đất mà ông Nguyễn Thành S không có nghĩa vụ phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D và việc đính chính phù hợp với đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử.

[9] Đối với khoản tiền vay 150.000.000 đồng mà ông Nguyễn Thành S vay của ông Trần Văn V, ông Trần Văn Chọn thì ông Nguyễn Thành S không chứng minh được mục đích sử dụng tiền vay, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành S để xem xét khi phân chia thừa kế là có căn cứ.

[10] Đối với bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M rút lại yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế và cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ. Riêng đối với bà Nguyễn Thị D chỉ thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất 450m^2 được cụ Nguyễn Văn T cho ông Nguyễn Thành S cũng như tài sản chung của cụ Nguyễn Thị Dõi nên không nhất thiết phải đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị D. Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X không rút toàn bộ yêu cầu chia thừa kế và cấp sơ thẩm cũng đã chia thừa kế cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X nên việc đình chỉ yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X là không đúng theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[11] Từ những nhận định trên, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 282/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là có căn cứ.

[12] Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được công nhận.

[13] Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thành S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được phân chia. Bà Nguyễn Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung. Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Thành S, bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Thành S.

[14] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thành S, bà Nguyễn Thị D. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 282/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

2. Căn cứ vào các Điều 147, 148, 157, 161, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 610, 612, 613, 616, 634, 640, 643 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc chia thừa kế theo di chúc đối với quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 29.804,4m^2 được ghi nhận tại thửa số 47, 69 tờ bản đồ số 03; tọa lạc tại ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau là di sản do cụ Nguyễn Văn T để lại, được chia cho bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Thành S. Trong đó:

- Phần đất vườn 4.397,9m^2 và 500m^2 đất ở: Được chia cho bà Nguyễn Thị D 450m^2 đất ở và 3.997,9m^2 đất vườn. Giữ nguyên phần diện tích 400m^2 đất vườn và 50m^2 đất ở còn lại cho ông Nguyễn Thành S quản lý, sử dụng; vị trí phần đất được xác định tại các mốc N2, N3, N4, N5 của bản Trích đo hiện trạng ngày 15/9/2022 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Buộc ông Nguyễn Thành S chịu trách nhiệm giao trả lại phần đất vườn, đất ở được chia cho bà Nguyễn Thị D.

- Phần đất nuôi trồng thủy sản (đất trồng lúa) có tổng diện tích 24.906,5m^2. Trong đó:

+ Phần diện tích đất 19.706,5m^2: Được chia cho bà Nguyễn Thị D 7.253,3m^2; chia cho ông Nguyễn Thành S 7.269,2m^2 *(bao gồm cả diện tích 1.296m^2 do ông Nguyễn Thành S chuộc lại)*; chia cho ông Nguyễn Văn D 3.888m^2 và chia cho bà Nguyễn Thị X 1.296m^2. Trong phần diện tích đất được chia:

Bà Nguyễn Thị D được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 3.579,8m^2, vị trí được xác định tại các mốc M3, M4, M5, M6, M19, M18, M17, M16 bản Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong. Phần còn lại 3.655,5 m^2 giao cho ông Nguyễn Thành S tiếp tục quản lý sử dụng; buộc ông Nguyễn Thành S hoàn lại giá trị đất cho bà Nguyễn Thị D bằng số tiền 134.156.850 đồng.

Ông Nguyễn Văn D được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 3.639,6m^2, vị trí được xác định tại các mốc M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22, M23 bản Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong. Phần còn lại 248,4m^2 giao cho ông Nguyễn Thành S tiếp tục quản lý sử dụng; buộc ông Nguyễn Thành S hoàn lại giá trị đất cho ông Nguyễn Văn D bằng số tiền 9.116.280 đồng.

Bà Nguyễn Thị X tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 753,6m^2, vị trí được xác định tại các mốc M7, M8, M9, M15 bản Trích đo hiện trạng ngày 12/3/2020 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong. Phần còn lại 542,4m^2 giao cho ông Nguyễn Thành S tiếp tục quản lý sử dụng; buộc ông Nguyễn Thành S hoàn lại giá trị đất cho bà Nguyễn Thị X bằng số tiền 19.906.080 đồng.

Ông Nguyễn Thành S tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích mà ông Nguyễn Thành S được chia là 7.269,2m^2 và 4.446,3m^2 là diện tích đất đã được chia cho bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X đang do ông Nguyễn Thành S quản lý và đã buộc ông Nguyễn Thành S trả lại giá trị đất.

+ Phần diện tích đất còn lại là 5.200m^2 *(theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2016/DS-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và Bản án dân sự phúc thẩm số: 209/2016/DS-PT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau)*: Được tiếp tục giao cho ông Nguyễn Thành S quản lý, sử dụng; khi đủ điều kiện xác định là di sản của cụ Nguyễn Văn T để lại thì ông Nguyễn Thành S và bà Nguyễn Thị D được quyền yêu cầu chia thừa kế theo quy định chung.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thị D bồi hoàn giá trị cống xổ vuông cho ông Nguyễn Thành S bằng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2.3. Đình chỉ với yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế đối với ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N.

2.4. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí đo đạc, thẩm định và thẩm định giá là 26.050.000 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi ngàn), bà Nguyễn Thị D phải chịu 12.221.000 đồng; ông Nguyễn Thành S phải chịu 8.615.000 đồng; ông Nguyễn Văn D phải chịu 3.910.500 đồng; bà Nguyễn Thị X phải chịu 1.303.500 đồng. Bà Nguyễn Thị D đã nộp thanh toán xong chi phí đo đạc, thẩm định và thẩm định giá nên buộc ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Thành S và bà Nguyễn Thị X chịu trách nhiệm hoàn lại tiền chi phí chi phí đo đạc, thẩm định và thẩm định giá mà mình phải chịu để hoàn lại cho bà Nguyễn Thị D.

- Chi phí giám định chữ ký là 4.880.000 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Thành S tự chịu, đã nộp xong.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn D được miễn nộp. Bà Nguyễn Thị D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 11.836.000 đồng theo biên lai thu số 0000598 ngày 04/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Ông Nguyễn Thành S phải chịu 13.338.900 đồng được đối trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số 0001742 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, ông Nguyễn Thành S phải nộp tiếp số tiền 13.038.900 đồng. Bà Nguyễn Thị X phải chịu 2.378.100 đồng được đối trừ tiền tạm ứng án phí là 2.550.000 đồng, theo biên lai số 0001027 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, bà Nguyễn Thị X được nhận lại 171.900 đồng.

Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị N 2.550.000 đồng, bà Nguyễn Thị L 2.550.000 đồng, bà Nguyễn Thị M 2.550.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0001025; 0001026; 0001028 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

2.6. Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành S không phải chịu. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Thành S là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002163 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Phương